

Bản án số: 76/2026/HS-ST

Ngày: 10-3-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đới Xuân Huy

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lù Thanh Xá
- Bà Lý Thị The

- Thư ký phiên tòa: Bà Mào Thị Chiến - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Lò Thị Kẻo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lai Châu xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 76/2026/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2026. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2026/QĐXXST- HS ngày 25/3/2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn T** - Sinh năm 1976 tại **xã Y, tỉnh Ninh Bình**.

Nơi cư trú: **Thôn A, xã B, tỉnh Lai Châu**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Nguyễn Văn H** (đã chết) và bà **Đặng Thị H1** (đã chết); Bị cáo có vợ là **Lùng Thị H2** và có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2013; Gia đình bị cáo có 04 anh, chị, em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/10/2025 cho đến nay (Có mặt)

2. Họ và tên: **Lùng Văn N** - Sinh năm 1975 tại **xã B, tỉnh Lai Châu**.

Nơi cư trú: **Bản M, xã B, tỉnh Lai Châu**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Lùng Văn X** (đã chết) và bà **Mào Thị C** (đã chết); Bị cáo có vợ là **Lý Thị H3** và có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 1999; Gia đình bị cáo có 05 anh, chị, em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 27/2009/HSST ngày 22/9/2009 của Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu xử phạt **Lùng Văn N** 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Đến ngày phạm tội mới bị cáo đã được xoá án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/10/2025 cho đến nay (Có mặt).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Bùi Thị Thanh T1** - sinh năm 1979

Địa chỉ: **Thôn A, xã B, tỉnh Lai Châu**. (Có mặt)

2. Bà **Lùng Thị H2** - sinh năm 1985

Địa chỉ: **Thôn A, xã B, tỉnh Lai Châu**. (Vắng mặt)

Người làm chứng: Ông **Hoàng Văn T2** - sinh năm 1982

Địa chỉ: **Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Ninh Bình**. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 03/10/2025, **Nguyễn Văn T**, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SYM, Elegants màu trắng, BKS 25B1-365.53 (là tài sản của gia đình **T**) đi từ **thôn A, xã B, tỉnh Lai Châu** đến bản **Đầu Nặm X1, xã B** để tìm mua Heroine về sử dụng và bán kiếm lời. Tại bản **Đầu Nặm X1**, **T** đã gặp một người phụ nữ lạ mặt và mua được của người phụ nữ này 02 gói Heroine được gói bằng mảnh nilon màu trắng với giá 130.000 đồng. Sau khi mua được **H4**, **T** cầm trên tay trái rồi mang về căn nhà **T** đang thuê của chị **Bùi Thị Thanh T1**, thuộc **thôn A, xã B, tỉnh Lai Châu**. Về đến nhà, **T** cất giấu số Heroine trong túi áo trước ngực **T** đang mặc không cho ai biết. **T** thuê nhà ở cùng **Hoàng Văn T2**, nhưng **T** không cho **T2** biết việc **T** đang cất giấu chất ma túy.

Khoảng 12 giờ ngày 04/10/2025, khi **T** đang ở nhà thuê thì có **Lùng Văn N** đến hỏi mua **H4**, **T** đồng ý. Niêm đưa cho **T** 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng. **T** lấy từ túi áo trước ngực **T** đang mặc ra 02 gói Heroine mua được trước đó rồi mở gói Heroine ra và cho toàn bộ số Heroine của 02 gói vào 01 mảnh nilon màu xanh đặt trên bàn. Tiếp đó, **T** cẩu ra một ít Heroine cho vào mảnh nilon màu trắng của gói Heroine ban đầu rồi đưa cho **N**. Nhận Heroine, **N** gói Heroine lại bằng cách dùng bật lửa ga hơ túm đầu mảnh nilon màu trắng.

Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, **T** chuẩn bị sử dụng số Heroine còn lại trên mảnh nilon màu xanh, còn **N** đang ngồi cầm gói Heroine được gói ngoài bằng mảnh nilon màu trắng trên tay phải, anh **Hoàng Văn T2** (ở cùng **T**) đang ngủ trong nhà thì có tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy (PC04) **Công an tỉnh L** phối hợp với **Công an xã B** đến kiểm tra. Thấy tổ công tác, **T** dùng tay phải vờ lấy mảnh nilon màu xanh đựng Heroine cho vào miệng

để tránh bị phát hiện, **N** cũng thả gói Heroine mới mua được của **T** xuống ngay vị trí Niêm ngồi. Tuy nhiên, hành vi của **T**, **N** đã bị tổ công tác phát hiện và kịp thời không chế.

Quá trình bắt quả tang, **T** khai nhận **T** có hành vi bán trái phép cho **N** 01 gói Heroine để sử dụng, số Heroine còn lại để sử dụng và bán lẻ kiếm lời **T** cho vào miệng để nuốt nhưng chưa kịp nuốt thì bị tổ công tác phát hiện, thu giữ. Đồng thời, **T** giao nộp cho tổ công tác 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng là tiền do **T** bán Heroine mà có. **N** khai nhận gói Heroine thả xuống nền nhà là Heroine của **N** mua của **T** với giá 50.000 đồng. Tổ công tác lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu giữ và niêm phong vật chứng theo quy định của pháp luật.

- Tại bản kết luận giám định số 821/KL-KTHS ngày 06/10/2025 của Phòng K - Công an tỉnh L kết luận:

Số chất bột, màu trắng thu giữ của **Nguyễn Văn T** có khối lượng 0,15 gam (không phải mười lăm gam) là ma túy, loại: Heroine.

Số chất bột, màu trắng thu giữ của **Lùng Văn N** có khối lượng 0,34 gam (không phải ba mươi tư gam) là ma túy, loại: Heroine.

- Tại bản kết luận giám định số 823/KL-KTHS ngày 06/10/2025 của Phòng K - Công an tỉnh L kết luận: 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) có mã số hiệu SB 2272271 gửi giám định là tiền thật.

Tại bản cáo trạng số 75/CT-VKS-KV4 ngày 16/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Lai Châu đã truy tố **Lùng Văn N** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025); truy tố **Nguyễn Văn T** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố phân tích các tài liệu chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo **Lùng Văn N** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

Về hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025). Khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử phạt bị cáo **Lùng Văn N** mức án tù 03 năm 02 tháng đến 03 năm 08 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Áp dụng khoản 1, khoản 6 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025). Khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** mức án từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 09 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Buộc bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự tịch thu tiêu hủy 01 mảnh nilon màu xanh; 01 mảnh nilon màu trắng; 02 bột lửa màu xanh; 02 mảnh giấy bạc; tịch thu bán hóa giá sung ngân sách Nhà nước giá trị 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, Elegants màu trắng, BKS 25B1-365.53; tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 50.000 đồng thu giữ của bị cáo **Nguyễn Văn T**.

Các bị cáo tại phiên tòa thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng, không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Bùi Thị Thanh T1** tại phiên tòa trình bày: Bị cáo **T** thuê nhà của bà đã nhiều năm nay, việc bị cáo tư thực hiện hành vi phạm tội tại nhà của bà bà không biết và không liên quan. Đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Lùng Thị H2** tại cơ quan điều tra trình bày: Bà là vợ của bị cáo **T**, chiếc mô tô bị cáo sử dụng vào việc đi mua ma túy là tài sản chung của vợ chồng bà. Việc bị cáo **T** sử dụng chiếc xe để đi mua ma túy bà không biết.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Về tính chất, mức độ, hành vi của các bị cáo:

Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Lai Châu đã truy tố.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 04/10/2025, tại nhà của **Bùi Thị Thanh T1**, thuộc **thôn A, xã B, tỉnh Lai Châu** nơi **T** thuê, **Nguyễn Văn T** có hành vi bán trái phép 01 gói Heroine có khối lượng 0,34 gam với giá 50.000 đồng cho **Lùng Văn N** để **N** sử dụng thì bị tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - **Công an tỉnh L** phối hợp với **Công an xã B** phát hiện bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

Ngoài ra, cũng tại địa điểm, thời gian nêu trên, **Nguyễn Văn T** còn có hành vi tàng trữ trái phép 0,15 gam Heroine để sử dụng và bán lẻ kiểm lời thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra phát hiện, thu giữ. Do số Heroine **T** đã bán cho **N** và số Heroine **T** đang tàng trữ có chung nguồn gốc để sử dụng và bán lẻ kiếm lời. Như vậy, **Nguyễn Văn T** phải chịu trách nhiệm về hành vi mua bán trái phép chất ma túy với tổng khối lượng Heroine là 0,49 gam.

Các bị cáo đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi nêu trên của các bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách quản lý đặc biệt về các chất ma túy của Nhà nước, làm ảnh hưởng xấu tới trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Hành vi tàng trữ 0,34 gam Heroine để sử dụng của bị cáo **Lùng Văn N** đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Hành vi mua bán, tàng trữ với mục đích mua bán trái phép tổng khối lượng 0,49 gam Heroine để kiếm lời của bị cáo **Nguyễn Văn T** đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt và các vấn đề khác liên quan là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với tính chất, mức độ cũng như hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần được chấp nhận.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Nhân thân: Bị cáo **Lùng Văn N** tại bản án số 27/2009/HSST ngày 22/9/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xử phạt **Lùng Văn N** 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Đến ngày phạm tội mới bị cáo đã được xóa án tích.

Bị cáo **Nguyễn Văn T**: Chưa có tiền án tiền, tiền sự nhưng bị cáo là người nghiện chất ma túy.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm Hình sự:

Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 BLHS.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS

Bị cáo **Lùng Văn N** là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị cáo **Nguyễn Văn T** có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ giải phóng nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Do các bị cáo là người nghiện chất ma túy, hành vi của các bị cáo là nghiêm trọng nên Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 và khoản 6 Điều 251 Bộ luật Hình sự các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, ... hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, xét thấy các bị cáo đều không có công việc và thu nhập ổn định, gia đình không có tài sản có giá trị lớn. Vì vậy Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5]. Về vật chứng của vụ án:

Toàn bộ số Heroine thu giữ của các bị cáo đã gửi giám định không hoàn lại mẫu vật, việc cơ quan Điều tra gửi mẫu giám định là phù hợp với quy định của pháp luật.

01 mảnh nilon màu xanh; 01 mảnh nilon màu trắng; 02 bột lửa màu xanh; 02 mảnh giấy bạc là vật các bị cáo sử dụng vào hành vi phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, Elegants màu trắng, BKS 25B1-365.53 là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo **T**, bị cáo đã sử dụng là phương tiện để đi mua ma túy nên cần tịch thu bán hóa giá sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Số tiền 50.000 đồng thu giữ của bị cáo **Nguyễn Văn T** là tiền bị cáo phạm tội mà có nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6]. Về những vấn đề khác:

- Đối với người phụ nữ lạ mặt mà theo lời khai đó là người đã bán **H4** cho bị cáo **Nguyễn Văn T**: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không xác định được người đó là ai nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét xử lý.

- Ngày 04/10/2025 Cơ quan CSĐT - **Công an tỉnh L** đã tiến hành test nhanh ma túy đối với **Nguyễn Văn T** và **Lùng Văn N** (kết quả dương tính với chất ma túy). Do **T** và **N** đều không thuộc các đối tượng được quy định tại khoản 1, điều 256a Bộ luật Hình sự nên các bị cáo không cấu thành tội sử dụng trái phép chất ma túy.

- Đối với chị **Bùi Thị Thanh T1** là người cho bị cáo **T** thuê nhà. Quá trình điều tra, xác định chị **T1** không biết **T** mua, bán trái phép chất ma túy tại nhà của mình nên không có cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự.

- Đối với anh **Hoàng Văn T2**. Quá trình **T** tàng trữ, mua bán ma túy với **N** anh **T2** không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của **T** và **N** nên không có cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự.

- Đối với chị **Lùng Thị H2** là vợ của **T**. Khi **T** điều khiển xe mô tô của gia đình để đi mua ma túy về sử dụng và bán lẻ kiếm lời thì chị **H2** không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của **T** nên không đồng phạm với hành vi phạm tội của bị cáo.

[7]. Về án phí:

Bị cáo **Nguyễn Văn T** bị kết án và không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo **Lùng Văn N** là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên cần miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Lùng Văn N** phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Lùng Văn N** 03 năm 05 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04/10/2025.

Áp dụng khoản 1, khoản 6 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 03 năm 06 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04/10/2025.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 mảnh nilon màu xanh; 01 mảnh nilon màu trắng; 02 bật lửa màu xanh; 02 mảnh giấy bạc; tịch thu bán hóa giá sung ngân sách Nhà nước giá trị 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, Elegants màu trắng, BKS 25B1-365.53; tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 50.000 đồng thu giữ của bị cáo **Nguyễn Văn T**.

*(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - **Công an tỉnh L** với Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 4 - Lai Châu được lập vào hồi 10 giờ 10 phút ngày 26 tháng 01 năm 2026)*

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo **Nguyễn Văn T** phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo **Lùng Văn N**.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự các bị cáo có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKSND Khu vực 4 - Lai Châu;
- Phòng THA DS Khu vực 4 - Lai Châu;
- Các bị cáo;
- Những người có QL, NV LQ;
- Phân trại tạm giam Mường Tè - Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lai Châu;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Lai Châu;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Lai Châu;
- Lưu HS – HS./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoài Xuân Huy

